

Số: 06/BC-S74-HĐQT

Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2016

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015;
LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016****Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa 13;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 11; Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 là luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010 được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa 12;

- Điều lệ tổ chức hoạt động; Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.04;

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2016: Báo cáo tài chính năm 2015 & lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

A. Báo cáo tài chính năm 2015:

I. Báo cáo kiểm toán: số 638/2016/BC.KTTC-AASC.KT5 ngày 20 tháng 03 năm 2016 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (có báo cáo kèm theo)

II. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2015:**1. Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị: VNĐ

TT	Nội dung	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 01/01/2015
I	Tài sản ngắn hạn	308.302.534.865	349.125.134.334
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.440.058.676	7.505.072.049
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	191.416.687.050	191.369.994.175
4	Hàng tồn kho	113.374.067.081	150.069.724.052
5	Tài sản ngắn hạn khác	71.722.058	180.344.058

II	Tài sản dài hạn	31.922.122.064	55.770.883.348
1	Tài sản cố định	23.271.175.819	37.056.079.603
-	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	23.271.175.819	37.056.079.603
-	<i>Chi phí XD cơ bản dở dang</i>		
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3	Tài sản dài hạn khác	8.403.039.045	18.685.373.745
III	TỔNG TÀI SẢN	340.224.656.929	404.896.017.682
IV	Nợ phải trả	195.044.872.716	255.126.850.017
1	Nợ ngắn hạn	195.039.872.716	253.096.741.568
2	Nợ dài hạn	5.000.000	2.030.108.449
V	Vốn chủ sở hữu	145.179.784.213	149.769.167.665
1	Vốn chủ sở hữu	145.179.784.213	149.769.167.665
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	15.960.000.000	15.960.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	54.514.367.796	48.302.310.709
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.705.416.417	25.506.856.956
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	340.224.656.929	404.896.017.682

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 01/01/2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	380.383.369.194	428.919.361.996
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	9.477.173.863	721.957.239
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.906.195.331	428.197.404.757
4	Giá vốn hàng bán	352.398.394.395	396.942.501.277

5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.507.800.936	31.254.903.480
6	Doanh thu hoạt động tài chính	14.784.802	27.077.621
7	Chi phí tài chính	7.271.540.183	10.042.446.521
8	Chi phí bán hàng	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.522.441.345	8.813.406.375
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.728.604.210	12.426.128.205
11	Thu nhập khác	1.471.355.630	190.935.390
12	Chi phí khác	2.112.665.380	32.496.635
13	Lợi nhuận khác	(641.309.750)	158.438.755
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.087.294.460	12.584.566.960
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	56.937.919	635.261.420
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.030.356.541	11.949.305.540

III. Các chỉ tiêu đánh giá tài chính:

1.Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	0.29%	
2.Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	1.81%	
3.Lợi nhuận trước thuế/Nguyên giá TSCĐ	0.53%	
4.Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,34	lần

B. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2016.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Doanh